

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Hắc Dịch
Mã đơn vị: 1015806
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Ấu số 04a-ĐK/TSC

BÁO CÁO KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

- I – Về đất:**
a- Địa chỉ: KP2.
b- Lý do tăng đất (mua sắm, tiếp nhận, nhà nước giao đất, nhà nước cho thuê đất, kiểm kê phát hiện thừa, khác): Tiếp nhận
c- Diện tích khuôn viên đất: 18.464 m2.
d- Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở làm việc: m2; Làm cơ sở hoạt động sự nghiệp: 18.464 m2; Kinh doanh: m2; Liên doanh, liên kết: m2; Cho thuê: m2; Sử dụng khác:
e- Giá trị theo sổ kê toán (nguồn NSNN, nguồn khác): 39.355.775 Nghìn đồng.
f- Giá trị quyền sử dụng đất: 39.355.775 Nghìn đồng.

II – Về nhà:

III – Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyết định cho thuê đất, Hợp đồng thuê đất, Giấy tờ khác
....., ngày ... tháng ... năm

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ngày 30 tháng 01 năm 2026
Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Đức Thiện

- Báo cáo kê khai lần đầu ☒ - Báo cáo kê khai bổ sung ☐

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Hắc Dịch
Mã đơn vị: 1015806
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 04a-ĐK/TSC

BÁO CÁO KÊ KHAI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

I – Về đất:

II – Về nhà:

TÀI SẢN	LÝ DO TĂNG	NĂM XÂY DỰNG	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	CẤP HẠNG	SỐ TẦNG	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m2)	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG (m2)	GIÁ TRỊ THEO SỔ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)			HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG (m2)							
								Nguyên giá		Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Cơ sở hoạt động sự nghiệp	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác	
								Tổng cộng	Trong đó									
									Nguồn NS									Nguồn khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1- Nhà xây giai đoạn 1	Tiếp nhận	2000	20/08/2000	Nhà Cấp II	3	1.893	1.893	7.306.812	7.306.812		5.740.294						1.893	
2- Nhà giai đoạn 2	Tiếp nhận	2017	10/10/2017	Nhà Cấp III	2	856	856	4.796.447	4.796.447		3.797.804						856	
3- Nhà giai đoạn 3	Tiếp nhận	2017	10/10/2017	Nhà Cấp II	3	3.219	3.219	8.483.605	8.483.605		6.349.175						3.219	
4- Nhà xe học sinh	Mua sắm	2017	01/12/2017	Nhà Cấp IV	1	778	778	745.659	745.659		611.610				778			
5- nhà xe giáo viên	Tiếp nhận	2017	30/09/2019	Nhà Cấp IV	1	663	663	662.680	662.680		397.475						663	
6- Nhà Bảo vệ	Tiếp nhận	2017	30/09/2019	Nhà Cấp IV	1	16	16	219.180	219.180		131.464						16	
7- Nhà tập đa năng	Tiếp nhận	2017	30/09/2019	Nhà Cấp IV	1	570	570	1.208.291	1.208.291		724.733						570	
8- Nhà trạm bơm	Tiếp nhận	2019	30/09/2019	Nhà Cấp IV	1	12	12	144.581	144.581		86.733						12	
9- Nhà căn tin	Đầu tư xây dựng	2019	25/11/2019	Nhà Cấp IV	1	60	60	158.000		158.000	84.230				60			
Tổng cộng:						8.067	8.067	23.725.255	23.567.255	158.000	17.923.519				838		7.229	

III – Các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng nhà ẽ (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyết định cho thuê đất, Hợp đồng thuê đất, Giấy tờ khác)

....., ngày ... tháng ... năm

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ngày 30 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Đức Thiện

- Báo cáo kê khai lan
đầu



- Báo cáo kê khai đo
sơn



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Hắc Dịch
Mã đơn vị: 1015806
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 04c-ĐK/TSC

BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
(NGOÀI TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP, XE Ô TÔ)

TÀI SẢN	LÝ DO TĂNG	KÝ HIỆU	NƯỚC SẢN XUẤT	NĂM SẢN XUẤT	NGÀY, THÁNG, NĂM SỬ DỤNG	GIÁ TRỊ THEO SỐ KẾ TOÁN (Nghìn đồng)			HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
						Nguyên giá			Giá trị còn lại	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác
						Tổng cộng	Trong đó								
							Nguồn NSNN	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1- Máy scan	Mua sắm	201			30/01/2024	10.500		10.500	9.188		X				
2- Bể nước ngầm	Tiếp nhận	BN		0	30/09/2019	275.393	275.393		192.775		X				
3- Bộ bàn ghế tiếp khách	Tiếp nhận	BTK01			05/09/2005	12.000	12.000				X				
4- Hệ thống camera phòng thi	Tiếp nhận	CAMER A			01/08/2019	61.008	61.008				X				
5- Cấp điện tổng thể	Tiếp nhận	CD			30/09/2019	473.316	473.316				X				
6- Hệ thống camera, chuông báo động chống trộm	Tiếp nhận	CMR			10/12/2018	68.692	68.692				X				
7- Cột Cờ	Tiếp nhận	CỘT CỜ		0	30/09/2019	21.715	21.715		8.686		X				
8- Cổng chính, biển hiệu	Tiếp nhận	CTP		0	30/09/2019	2.683.630	2.683.630		2.598.594		X				
9- Thảm cỏ, thảm cây xanh	Tiếp nhận	CV			30/09/2019	5.065.033	5.065.033		1.266.258		X				
10- Giếng khoan	Mua sắm	Gieng		0	19/12/2019	14.265		14.265	5.706		X				
11- Hệ thống camera khối lớp học (33 phòng học sinh và hành lang)	Mua sắm	HT CAMER A			20/12/2022	144.012		144.012	90.008		X				
12- Hệ thống lọc nước	Tiếp nhận	HTLN			30/12/2020	414.630	414.630				X				
13- Mái che sân trường	Mua sắm	M.CHE	Việt Nam	2025	13/12/2025	183.600		183.600	165.240		X				
14- Máy vi tính	Tiếp nhận	M01			17/08/2012	11.880	11.880				X				
15- Máy vi tính	Tiếp nhận	M03			17/08/2012	11.880	11.880				X				
16- Máy Photocopy	Mua sắm	Máy photocop y			22/10/2020	86.000		86.000			X				
17- Bình biến áp 3 pha	Tiếp nhận	MBA01			01/04/2013	179.142	179.142				X				

18- Bộ Máy chiếu phục vụ giảng dạy cấp năm 2019	Tiếp nhận	MCDH.2019			10/09/2019	22.200	22.200					X				
19- Bộ Máy chiếu phục vụ giảng dạy cấp năm 2019	Tiếp nhận	MCDH.2019.1			10/09/2019	22.200	22.200					X				
20- Bộ Máy chiếu đa năng cấp năm 2019	Tiếp nhận	MCĐN.2019			10/09/2019	49.900	49.900					X				
21- Máy điều hòa phòng máy tính HS cấp năm 2017	Tiếp nhận	MĐHPM			18/12/2017	14.939	14.939					X				
22- Máy điều hòa phòng máy cấp năm 2017	Tiếp nhận	MĐHPM02			18/12/2017	14.939	14.939					X				
23- Máy in 2 mặt Canon LBP 325X	Mua sắm	MI 2 M			26/12/2022	10.000		10.000	4.000			X				
24- Máy in A3	Mua sắm	MI A3			19/01/2015	18.600		18.600				X				
25- Máy in bảng điểm, sổ điểm lớn cấp năm 2019	Tiếp nhận	MI. 2019			10/09/2019	36.000	36.000					X				
26- Máy điều hoà lưu thông không khí	Tiếp nhận	ML -PH			20/10/2019	16.805	16.805					X				
27- Máy điều hoà lưu thông không khí	Mua sắm	ML PHT			20/10/2019	14.361		14.361				X				
28- Máy điều hoà lưu thông không khí	Mua sắm	ML Trang bị 2024			10/06/2024	12.420		12.420	9.315			X				
29- Máy điều hoà lưu thông không khí	Mua sắm	ML Trang bị 20241			10/06/2024	12.420		12.420	9.315			X				
30- Máy điều hoà lưu thông không khí	Mua sắm	ML Trang bị 20243			10/06/2024	12.420		12.420	9.315			X				
31- Máy điều hoà lưu thông không khí	Mua sắm	ML Trang bị 20244			10/06/2024	12.420		12.420	9.315			X				
32- Máy điều hoà lưu thông không khí	Mua sắm	ML-PH			20/10/2019	14.361		14.361				X				
33- Máy lạnh cấp năm 2019	Tiếp nhận	ML.2019			10/09/2019	14.900	14.900					X				
34- Máy lạnh cấp 2019	Tiếp nhận	ML.2019.1			10/09/2019	14.900	14.900					X				
35- Máy lạnh cấp năm 2019	Tiếp nhận	ML.2019.2			10/09/2019	14.900	14.900					X				
36- Máy lạnh cấp năm 2019	Tiếp nhận	ML.2019.3			10/09/2019	14.900	14.900					X				
37- Máy lọc nước R.O Aqua Vina	Tiếp nhận	MLN			11/04/2017	13.500	13.500					X				
38- Máy photocopy phục vụ công tác thi cấp năm 2019	Tiếp nhận	MPT 2019			10/09/2019	149.000	149.000					X				
39- Máy Photocopy	Tiếp nhận	MPT.01			17/09/2012	76.395	76.395					X				
40- Máy Photocopy	Tiếp nhận	MPT.02			05/09/2008	132.900	132.900					X				
41- Máy Scan	Tiếp nhận	MSC01			19/09/2013	12.813	12.813					X				
42- Máy vi tính	Tiếp nhận	MT			14/11/2014	10.890	10.890					X				
43- Máy vi tính	Tiếp nhận	MT.VP			19/09/2013	12.493	12.493					X				
44- Máy tính xách tay	Tiếp nhận	MT.XT			21/10/2014	14.950	14.950					X				

43- Máy tập bán	Tiếp nhận	MTB01			05/10/2010	19.643	19.643				X				
46- Máy tập bán	Tiếp nhận	MTB02			05/10/2010	19.643	19.643				X				
47- Máy tính xách tay cấp năm 2019	Tiếp nhận	MTXT 2019			10/09/2019	27.000	27.000				X				
48- Máy tính xách tay	Tiếp nhận	MTXTH P			21/08/2017	13.000	13.000				X				
49- Máy vi tính trang bị năm 2020	Mua sắm	MVT 2020			15/09/2020	14.500		14.500			X				
50- Máy vi tính trang bị năm 2020	Mua sắm	MVT 20201			15/09/2020	14.500		14.500			X				
51- Máy vi tính trang bị năm 2020	Mua sắm	MVT 20202			15/09/2020	14.500		14.500			X				
52- Máy vi tính	Tiếp nhận	MVT.HP 3			17/08/2012	11.880	11.880				X				
53- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS			10/09/2019	13.980	13.980				X				
54- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 1			10/09/2019	13.980	13.980				X				
55- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 10			10/09/2019	13.980	13.980				X				
56- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 11			10/09/2019	13.980	13.980				X				
57- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 12			10/09/2019	13.980	13.980				X				
58- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 13			10/09/2019	13.980	13.980				X				
59- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 14			10/09/2019	13.980	13.980				X				
60- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 15			10/09/2019	13.980	13.980				X				
61- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 16			10/09/2019	13.980	13.980				X				
62- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 17			10/09/2019	13.980	13.980				X				
63- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 18			10/09/2019	13.980	13.980				X				
64- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 19			10/09/2019	13.980	13.980				X				
65- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2			10/09/2019	13.980	13.980				X				
66- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 20			10/09/2019	13.980	13.980				X				
67- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 21			10/09/2019	13.980	13.980				X				
68- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 22			10/09/2019	13.980	13.980				X				
69- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 23			10/09/2019	13.980	13.980				X				
70- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 24			10/09/2019	13.980	13.980				X				
71- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 241			10/09/2019	13.980	13.980				X				

72- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2410			10/09/2019	13.980	13.980				X				
73- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2411			10/09/2019	13.980	13.980				X				
74- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2412			10/09/2019	13.980	13.980				X				
75- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2413			10/09/2019	13.980	13.980				X				
76- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2414			10/09/2019	13.980	13.980				X				
77- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2415			10/09/2019	13.980	13.980				X				
78- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2416			10/09/2019	13.980	13.980				X				
79- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2417			10/09/2019	13.980	13.980				X				
80- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2418			10/09/2019	13.980	13.980				X				
81- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2419			10/09/2019	13.980	13.980				X				
82- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 242			10/09/2019	13.980	13.980				X				
83- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2420			10/09/2019	13.980	13.980				X				
84- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2421			10/09/2019	13.980	13.980				X				
85- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2422			10/09/2019	13.980	13.980				X				
86- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2423			10/09/2019	13.980	13.980				X				
87- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 243			10/09/2019	13.980	13.980				X				
88- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 244			10/09/2019	13.980	13.980				X				
89- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 245			10/09/2019	13.980	13.980				X				
90- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 246			10/09/2019	13.980	13.980				X				
91- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 247			10/09/2019	13.980	13.980				X				
92- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 248			10/09/2019	13.980	13.980				X				
93- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 249			10/09/2019	13.980	13.980				X				
94- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 3			10/09/2019	13.980	13.980				X				
95- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 4			10/09/2019	13.980	13.980				X				
96- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 5			10/09/2019	13.980	13.980				X				
97- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 6			10/09/2019	13.980	13.980				X				

98- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 7			10/09/2019	13.980	13.980				X				
99- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 8			10/09/2019	13.980	13.980				X				
100- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 9			10/09/2019	13.980	13.980				X				
101- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 25			10/09/2019	13.980	13.980				X				
102- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 251			10/09/2019	13.980	13.980				X				
103- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2510			10/09/2019	13.980	13.980				X				
104- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2511			10/09/2019	13.980	13.980				X				
105- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2512			10/09/2019	13.980	13.980				X				
106- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2513			10/09/2019	13.980	13.980				X				
107- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2514			10/09/2019	13.980	13.980				X				
108- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2515			10/09/2019	13.980	13.980				X				
109- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2516			10/09/2019	13.980	13.980				X				
110- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2517			10/09/2019	13.980	13.980				X				
111- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2518			10/09/2019	13.980	13.980				X				
112- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2519			10/09/2019	13.980	13.980				X				
113- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 252			10/09/2019	13.980	13.980				X				
114- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2520			10/09/2019	13.980	13.980				X				
115- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2521			10/09/2019	13.980	13.980				X				
116- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2522			10/09/2019	13.980	13.980				X				
117- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 2523			10/09/2019	13.980	13.980				X				
118- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 253			10/09/2019	13.980	13.980				X				
119- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 254			10/09/2019	13.980	13.980				X				
120- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 255			10/09/2019	13.980	13.980				X				
121- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 256			10/09/2019	13.980	13.980				X				
122- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 257			10/09/2019	13.980	13.980				X				
123- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.HS 258			10/09/2019	13.980	13.980				X				

124- Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	Tiếp nhận	MVT.ĐH 259			10/09/2019	13.980	13.980					X				
125- Máy vi tính	Tiếp nhận	MVT.ĐD			15/08/2010	11.450	11.450					X				
126- Máy vi tính	Tiếp nhận	MVT.YT			10/10/2009	10.950	10.950					X				
127- Máy vi tính GV phòng vi tính	Tiếp nhận	MVTGV			03/03/2017	19.729	19.729					X				
128- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 2017			03/03/2017	13.727	13.727					X				
129- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 20171			03/03/2017	13.727	13.727					X				
130- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201710			03/03/2017	13.727	13.727					X				
131- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201711			03/03/2017	13.727	13.727					X				
132- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201712			03/03/2017	13.727	13.727					X				
133- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201713			03/03/2017	13.727	13.727					X				
134- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201714			03/03/2017	13.727	13.727					X				
135- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201715			03/03/2017	13.727	13.727					X				
136- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201716			03/03/2017	13.727	13.727					X				
137- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201717			03/03/2017	13.727	13.727					X				
138- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201718			03/03/2017	13.727	13.727					X				
139- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201719			03/03/2017	13.727	13.727					X				
140- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 20172			03/03/2017	13.727	13.727					X				
141- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201720			03/03/2017	13.727	13.727					X				
142- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201721			03/03/2017	13.727	13.727					X				
143- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201722			03/03/2017	13.727	13.727					X				
144- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201723			03/03/2017	13.727	13.727					X				
145- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201724			03/03/2017	13.727	13.727					X				
146- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201725			03/03/2017	13.727	13.727					X				
147- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201726			03/03/2017	13.727	13.727					X				
148- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201727			03/03/2017	13.727	13.727					X				
149- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201728			03/03/2017	13.727	13.727					X				
150- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201729			03/03/2017	13.727	13.727					X				

151- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 20173			03/03/2017	13.727	13.727				X				
152- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201730			03/03/2017	13.727	13.727				X				
153- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201731			03/03/2017	13.727	13.727				X				
154- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201732			03/03/2017	13.727	13.727				X				
155- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201733			03/03/2017	13.727	13.727				X				
156- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201734			03/03/2017	13.727	13.727				X				
157- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201735			03/03/2017	13.727	13.727				X				
158- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201736			03/03/2017	13.727	13.727				X				
159- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201737			03/03/2017	13.727	13.727				X				
160- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201738			03/03/2017	13.727	13.727				X				
161- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 201739			03/03/2017	13.727	13.727				X				
162- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 20174			03/03/2017	13.727	13.727				X				
163- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 20175			03/03/2017	13.727	13.727				X				
164- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 20176			03/03/2017	13.727	13.727				X				
165- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 20177			03/03/2017	13.727	13.727				X				
166- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 20178			03/03/2017	13.727	13.727				X				
167- Máy vi tính cấp năm 2017	Tiếp nhận	MVTHS 20179			03/03/2017	13.727	13.727				X				
168- Nguồn Chóng Sét	Tiếp nhận	NCS			03/03/2017	29.000	29.000				X				
169- Thi công làm nhà lưới học môn cầu lông	Mua sắm	Nhà lưới		0	15/10/2023	96.549		96.549	77.239		X				
170- Máy tính xách tay Asus P1412 CEA-EK0110W	Mua sắm	NTXT			26/12/2022	15.000		15.000	6.000		X				
171- Máy vi tính cho GV phòng máy	Tiếp nhận	NVT			10/09/2019	18.980	18.980				X				
172- Máy vi tính cho GV phòng máy	Tiếp nhận	NVT1			10/09/2019	18.980	18.980				X				
173- Di dời nhà xe giáo viên	Khác	NX			31/12/2019	98.798		98.798	64.218		X				
174- Ổn áp Standa	Tiếp nhận	O.AP			10/09/2019	14.990	14.990				X				
175- Ổn áp	Tiếp nhận	OA			03/03/2017	15.000	15.000				X				
176- Ổn áp Standa	Tiếp nhận	ON.AP 02			10/09/2019	14.990	14.990				X				
177- Phòng màn cho hội trường cấp năm 2019	Tiếp nhận	PM			10/09/2019	72.674	72.674				X				
178- Phần mềm kế toán	Tiếp nhận	PM.KT			05/10/2006	10.150	10.150		609		X				

179- Phần mềm quản lý học tập	Tiếp nhận	PMQLH T			10/09/2019	48.600	48.600		23.328	X				
180- Phần mềm quản lý học tập	Tiếp nhận	PMQLH T1			10/09/2019	48.600	48.600		23.328	X				
181- cải tạo mái che, sân tập học thể dục	Tiếp nhận	San tap		0	31/12/2019	99.440	99.440		39.776	X				
182- Thi công cải tạo, sửa chữa 468 m2 nền sân tập thể dục	Mua sắm	SÂN TẬP		0	15/10/2023	93.133		93.133	74.506	X				
183- cải tạo sân tập thể dục, sân bóng	Tiếp nhận	Santap		0	25/12/2019	99.649	99.649		39.860	X				
184- Thiết bị máy bơm và máy phát điện	Tiếp nhận	TBMB			30/09/2019	144.400	144.400			X				
185- Bộ thiết bị phòng cháy chữa cháy cấp năm 2019	Tiếp nhận	TBPCCC			10/09/2019	438.800	438.800			X				
186- Ti vi	Tiếp nhận	Ti vi kho			01/08/2014	38.500	38.500			X				
187- TIVI trang bị năm 2022	Mua sắm	TIVI			15/11/2022	20.500		20.500	8.200	X				
188- Ti Vi trang bị năm 2023	Mua sắm	TIVI 2023			14/09/2023	12.000		12.000	7.200	X				
189- Ti vi trang bị đợt 2 năm 2023	Mua sắm	TIVI 2023.2			20/12/2023	12.000		12.000	7.200	X				
190- Ti vi trang bị đợt 2 năm 2023	Mua sắm	TIVI 2023.21			20/12/2023	12.000		12.000	7.200	X				
191- Ti vi trang bị đợt 2 năm 2023	Mua sắm	TIVI 2023.22			20/12/2023	12.000		12.000	7.200	X				
192- Ti vi trang bị đợt 2 năm 2023	Mua sắm	TIVI 2023.23			20/12/2023	12.000		12.000	7.200	X				
193- Ti vi trang bị đợt 2 năm 2023	Mua sắm	TIVI 2023.24			20/12/2023	12.000		12.000	7.200	X				
194- Ti Vi trang bị năm 2023	Mua sắm	TIVI 20231			14/09/2023	12.000		12.000	7.200	X				
195- Ti Vi trang bị năm 2023	Mua sắm	TIVI 20232			14/09/2023	12.000		12.000	7.200	X				
196- Ti Vi trang bị năm 2023	Mua sắm	TIVI 20233			14/09/2023	12.000		12.000	7.200	X				
197- Ti Vi trang bị năm 2023	Mua sắm	TIVI 20234			14/09/2023	12.000		12.000	7.200	X				
198- Ti Vi trang bị năm 2023	Mua sắm	TIVI 20235			14/09/2023	12.000		12.000	7.200	X				
199- Ti Vi trang bị năm 2023	Mua sắm	TIVI 20236			14/09/2023	12.000		12.000	7.200	X				
200- Ti Vi trang bị năm 2023	Mua sắm	TIVI 20237			14/09/2023	12.000		12.000	7.200	X				
201- TRANG BỊ TI VI CHO HỌC SINH NĂM 2024	Mua sắm	TIVI 2024			09/09/2024	12.000		12.000	7.200	X				
202- TRANG BỊ TI VI CHO HỌC SINH NĂM 2024	Mua sắm	TIVI 20241			09/09/2024	12.000		12.000	7.200	X				
203- TRANG BỊ TI VI CHO HỌC SINH NĂM 2024	Mua sắm	TIVI 20242			09/09/2024	12.000		12.000	7.200	X				
204- TRANG BỊ TI VI CHO HỌC SINH NĂM 2024	Mua sắm	TIVI 20243			09/09/2024	12.000		12.000	7.200	X				
205- TRANG BỊ TI VI CHO HỌC SINH NĂM 2024	Mua sắm	TIVI 20244			09/09/2024	12.000		12.000	7.200	X				

206- TRANG BỊ TI VI CHO HỌC SINH NĂM 2024	Mua sắm	TIVI 20245			09/09/2024	12.000		12.000	7.200		X				
207- TRANG BỊ TI VI CHO HỌC SINH NĂM 2024	Mua sắm	TIVI 20246			09/09/2024	12.000		12.000	7.200		X				
208- TRANG BỊ TI VI CHO HỌC SINH NĂM 2024	Mua sắm	TIVI 20247			09/09/2024	12.000		12.000	7.200		X				
209- Tivi học sinh trang bị năm 2022	Mua sắm	TIVI HS			03/10/2022	12.495		12.495	2.499		X				
210- Tivi học sinh trang bị năm 2022	Mua sắm	TIVI HS1			03/10/2022	12.495		12.495	2.499		X				
211- Trang bị tivi cho học sinh năm 2024	Mua sắm	TIVI SMART SAMSUNG NG			09/09/2024	12.000		12.000	7.200		X				
212- Trang bị tivi cho học sinh năm 2024	Mua sắm	TIVI SMART SAMSUNG NG1			09/09/2024	12.000		12.000	7.200		X				
213- Trang bị tivi cho học sinh năm 2024	Mua sắm	TIVI SMART SAMSUNG NG2			09/09/2024	12.000		12.000	7.200		X				
214- Trang bị tivi cho học sinh năm 2024	Mua sắm	TIVI SMART SAMSUNG NG3			09/09/2024	12.000		12.000	7.200		X				
215- Trang bị tivi cho học sinh năm 2024	Mua sắm	TIVI SMART SAMSUNG NG4			09/09/2024	12.000		12.000	7.200		X				
216- Trang bị tivi cho học sinh năm 2024	Mua sắm	TIVI SMART SAMSUNG NG5			09/09/2024	12.000		12.000	7.200		X				
217- Trang bị tivi cho học sinh năm 2024	Mua sắm	TIVI SMART SAMSUNG NG6			09/09/2024	12.000		12.000	7.200		X				
218- TIVI SAMSUNG UA65DU8000KXXV	Mua sắm	TIVI.01.01		2025	10/01/2025	12.990		12.990	10.392		X				
219- TIVI SAMSUNG UA65DU8000KXXV	Mua sắm	TIVI.01.08	Việt Nam	2025	29/08/2025	13.500		13.500	10.800		X				
220- TIVI SAMSUNG UA85DU8000KXXV	Mua sắm	TIVI.01.10	Việt Nam	2025	28/10/2025	30.990		30.990	24.792		X				
221- TIVI SAMSUNG UA65DU8000KXXV	Mua sắm	TIVI.01.12		2025	29/12/2025	13.500		13.500	10.800		X				
222- TIVI SAMSUNG UA65DU8000KXXV	Mua sắm	TIVI.02.08	Việt Nam	2025	29/08/2025	13.500		13.500	10.800		X				
223- TIVI SAMSUNG UA65DU8000KXXV	Mua sắm	TIVI.02.12		2025	29/12/2025	13.500		13.500	10.800		X				
224- SMART TIVI SAMSUNG UA65AU7002KXXV	Mua sắm	TIVI.2024			25/08/2024	12.000		12.000	7.200		X				
225- SMART TIVI SAMSUNG UA65AU7002KXXV	Mua sắm	TIVI.20241			25/08/2024	12.000		12.000	7.200		X				

226- SMART TIVI SAMSUNG UA65AU7002KXXV	Mua sắm	TIVI.202 42			25/08/2024	12.000		12.000	7.200		X				
227- SMART TIVI SAMSUNG UA65AU7002KXXV	Mua sắm	TIVI.202 43			25/08/2024	12.000		12.000	7.200		X				
228- SMART TIVI SAMSUNG UA65AU7002KXXV	Mua sắm	TIVI.202 44			25/08/2024	12.000		12.000	7.200		X				
229- SMART TIVI SAMSUNG UA65AU7002KXXV	Mua sắm	TIVI.202 45			25/08/2024	12.000		12.000	7.200		X				
230- SMART TIVI SAMSUNG UA65AU7002KXXV	Mua sắm	TIVI.202 46			25/08/2024	12.000		12.000	7.200		X				
231- SMART TIVI SAMSUNG UA65AU7002KXXV	Mua sắm	TIVI.202 47			25/08/2024	12.000		12.000	7.200		X				
232- TIVI trang bị năm 2022	Mua sắm	TIVI1			15/11/2022	20.500		20.500	8.200		X				
233- Tivi học sinh trang bị năm 2022	Tiếp nhận	TV HS01			03/10/2022	14.910		14.910	2.982		X				
234- Tivi học sinh trang bị năm 2022	Mua sắm	TV HS011			03/10/2022	14.910		14.910	2.982		X				
235- Tivi học sinh trang bị năm 2022	Tiếp nhận	TV HS012			03/10/2022	14.910		14.910	2.982		X				
236- Tivi học sinh trang bị năm 2022	Tiếp nhận	TV HS013			03/10/2022	14.910		14.910	2.982		X				
237- Tì vi	Tiếp nhận	TV01.G V			11/02/2008	38.500	38.500				X				
238- Tì vi	Tiếp nhận	TV01.H Đ			01/12/2008	38.500	38.500				X				
239- Tì vi trang bị cho học sinh năm 2022	Mua sắm	TVHS 2022			15/09/2022	20.500		20.500	8.200		X				
240- Tì vi trang bị cho học sinh năm 2022	Mua sắm	TVHS 20221			15/09/2022	20.500		20.500	8.200		X				
241- Tì vi trang bị cho học sinh năm 2022	Mua sắm	TVHS 20222			15/09/2022	20.500		20.500	8.200		X				
242- Tì vi trang bị cho học sinh năm 2022	Mua sắm	TVHS 20223			15/09/2022	20.500		20.500	8.200		X				
Tổng cộng:						14.446.497	12.816.530	1.629.967	5.130.288						

....., ngày ... tháng ... năm

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN (nếu có)

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Ngày 30 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Đức Thiện

- Báo cáo kê khai lần
đầu:



- Báo cáo kê khai bổ
sung:



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Hắc Dịch
Mã đơn vị: 1015806
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2025

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư xây dựng, mua sắm						281.580						
4	Tài sản cố định khác						281.580						
	Mái che sân trường	Cái	1		Việt Nam	2025	183.600						
	TIVI SAMSUNG UA65DU8000KXXV	Cái	1	SAMSUNG	Việt Nam	2025	13.500	Mua sắm trực tiếp					
	TIVI SAMSUNG UA65DU8000KXXV	Cái	1	SAMSUNG	Việt Nam	2025	13.500	Mua sắm trực tiếp					
	TIVI SAMSUNG UA65DU8000KXXV	Cái	1	SAMSUNG		2025	12.990	Mua sắm trực tiếp					
	TIVI SAMSUNG UA65DU8000KXXV	Cái	1	SAMSUNG		2025	13.500	Mua sắm trực tiếp					
	TIVI SAMSUNG UA65DU8000KXXV	Cái	1	SAMSUNG		2025	13.500	Mua sắm trực tiếp					
	TIVI SAMSUNG UA85DU8000KXXV	Cái	1	SAMSUNG	Việt Nam	2025	30.990	Mua sắm trực tiếp					
	Tổng cộng						281.580						

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 01 năm 2026
Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Đức Thiện

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2025

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất									Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đất xây dựng trụ sở trường THPT Hắc Dịch tại KP2	####	#####		18.464																	
2	Nhà Bảo vệ									2019	16	219.180	131.464							16		
3	Nhà căn tin									2019	60	158.000	84.230				60					
4	Nhà giai đoạn 2									2017	856	4.796.447	3.797.804							856		
5	Nhà giai đoạn 3									2017	3.219	8.483.605	6.349.175							3.219		
6	Nhà tập đa năng									2019	570	1.208.291	724.733							570		
7	Nhà trạm bơm									2019	12	144.581	86.733							12		
8	Nhà xây giai đoạn 1									2000	1.893	7.306.812	5.740.294							1.893		
9	nhà xe giáo viên									2019	663	662.680	397.475							663		
10	Nhà xe học sinh									2017	778	745.659	611.610				778					
	Tổng cộng:	####	#####		18.464						8.067	#####	#####				838		7.229			

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Nơi 01 tháng 01 năm 2026

Trưởng đơn vị

TRƯỜNG

TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

HẮC DỊCH

TRƯỜNG

TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

HẮC DỊCH

Nguyễn Đức Thiện

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		242	14.446.497	12.816.530	1.629.967	5.130.288							
56	Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	PHÒNG VI TÍNH 2	1	13.980	13.980									x
57	Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	PHÒNG VI TÍNH 3	1	13.980	13.980									x
58	Máy vi tính học sinh cấp năm 2019	PHÒNG VI TÍNH 3	1	13.980	13.980									x
59	Phòng màn cho hội trường cấp năm 2019	PHÒNG HỘI ĐỒNG	1	72.674	72.674									x
60	SMART TIVI SAMSUNG UA65AU7002KXXV	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
61	SMART TIVI SAMSUNG UA65AU7002KXXV	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
62	Tivi học sinh trang bị năm 2022	PHÒNG HỌC SINH	1	12.495		12.495	2.499							x
63	Tivi học sinh trang bị năm 2022	PHÒNG HỌC SINH	1	12.495		12.495	2.499							x
64	Tivi học sinh trang bị năm 2022	PHÒNG HỌC SINH	1	14.910		14.910	2.982							x
65	Tivi học sinh trang bị năm 2022	PHÒNG HỌC SINH	1	14.910		14.910	2.982							x
66	Tivi học sinh trang bị năm 2022	PHÒNG HỌC SINH	1	14.910		14.910	2.982							x
67	TIVI SAMSUNG UA65DU8000KXXV	PHÒNG HỘI ĐỒNG	1	13.500		13.500	10.800							x
68	TIVI SAMSUNG UA65DU8000KXXV	Phòng kho	1	13.500		13.500	10.800							x
69	TIVI SAMSUNG UA65DU8000KXXV	PHÒNG HỌC SINH	1	13.500		13.500	10.800		x					x
70	TIVI SAMSUNG UA65DU8000KXXV	PHÒNG HỌC SINH	1	13.500		13.500	10.800		x					x
71	TIVI SAMSUNG UA65DU8000KXXV	PHÒNG HỌC SINH	1	12.990		12.990	10.392							x
72	TIVI SAMSUNG UA85DU8000KXXV	PHÒNG CHUYÊN MÔN	1	30.990		30.990	24.792		x					x
73	TIVI trang bị năm 2022	PHÒNG HỌC SINH	1	20.500		20.500	8.200							x
74	Tivi học sinh trang bị năm 2022	PHÒNG HỌC SINH	1	14.910		14.910	2.982							x
75	TIVI trang bị năm 2022	PHÒNG HỌC SINH	1	20.500		20.500	8.200							x
76	TRANG BỊ TI VI CHO HỌC SINH NĂM 2024	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
77	TRANG BỊ TI VI CHO HỌC SINH NĂM 2024	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		242	14.446.497	12.816.530	1.629.967	5.130.288							
78	TRANG BỊ TI VI CHO HỌC SINH NĂM 2024	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
79	TRANG BỊ TI VI CHO HỌC SINH NĂM 2024	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
80	TRANG BỊ TI VI CHO HỌC SINH NĂM 2024	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
81	TRANG BỊ TI VI CHO HỌC SINH NĂM 2024	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
82	TRANG BỊ TI VI CHO HỌC SINH NĂM 2024	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
83	Trang bị tivi cho học sinh năm 2024	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
84	Trang bị tivi cho học sinh năm 2024	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
85	Trang bị tivi cho học sinh năm 2024	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
86	Trang bị tivi cho học sinh năm 2024	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
87	Trang bị tivi cho học sinh năm 2024	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
88	TRANG BỊ TI VI CHO HỌC SINH NĂM 2024	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
89	Ti Vi trang bị năm 2023	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
90	Ti Vi trang bị năm 2023	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
91	Ti Vi trang bị năm 2023	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
92	SMART TIVI SAMSUNG UA65AU7002KXXV	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
93	SMART TIVI SAMSUNG UA65AU7002KXXV	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
94	SMART TIVI SAMSUNG UA65AU7002KXXV	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
95	SMART TIVI SAMSUNG UA65AU7002KXXV	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
96	SMART TIVI SAMSUNG UA65AU7002KXXV	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x
97	SMART TIVI SAMSUNG UA65AU7002KXXV	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		242	14.446.497	12.816.530	1.629.967	5.130.288							
237	Máy vi tính cấp năm 2017	PHÒNG VI TÍNH 1	1	13.727	13.727									x
238	Máy vi tính cấp năm 2017	PHÒNG VI TÍNH 1	1	13.727	13.727									x
239	Máy vi tính cấp năm 2017	PHÒNG VI TÍNH 1	1	13.727	13.727									x
240	Máy vi tính cấp năm 2017	PHÒNG VI TÍNH 1	1	13.727	13.727									x
241	Máy vi tính cấp năm 2017	PHÒNG VI TÍNH 1	1	13.727	13.727									x
242	Trang bị tivi cho học sinh năm 2024	PHÒNG HỌC SINH	1	12.000		12.000	7.200							x

Người lập báo cáo
 (Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị




 Nguyễn Đức Thiện

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Hắc Dịch
Mã đơn vị: 1015806
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2025

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê						Liên doanh, liên kết					
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số ..., ngày...)	Thời hạn cho thuê (từ ... đến ...)	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên doanh, liên kết	Đối tác liên doanh liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số ..., ngày...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ ... đến ...)	thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm (Nghìn đồng)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất															
II	Nhà									217.091						
1	Nhà căn tin tại KP2				60	18.935.000	Võ Vĩnh Trường	Hợp đồng	Từ 1/1/2025 đến 31/5/2026	132.545						
2	Nhà xe học sinh tại KP2				778	12.078.000	Võ Vĩnh Trường	Hợp đồng	Từ 1/1/2025 đến 31/5/2026	84.546						
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															
	Tổng cộng									217.091						

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Ngày 30 tháng 01 năm 2026
Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Đức Thiện